TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST Ngày: 31/07/2024 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Kim Phượng

2. Bà Phạm Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024, thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/2024/TB-TA ngày 15 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Vân A, sinh năm 1994; Nơi cư trú: số nhà 4, Ngõ 1, đường P, phố 3, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1987; Nơi ĐKTT: số nhà 4, Ngõ 1, đường P, phố 3, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: chị Vân A, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Vân A trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Đức T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2013 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường V, thành phố N, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2024 (do anh T phai đi chấp hành án tại Trại giam Nam Hà). Nay chị

xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh N, sinh ngày 15/09/2014. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày*:

Về hôn nhân: anh kết hôn với chị Lê Thị Vân A trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khi anh bị bắt và bị TAND thành phố N xét xử 36 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế cũng như trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh N, sinh ngày 15/09/2014. Khi ly hôn anh đề nghị giải quyết cho cháu được ở với ông bà nội là Nguyễn Đức D, sinh năm 1963 và Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1963 hiện đang ở phố 3, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình để ông bà nuôi dưỡng cháu và anh không có yêu cầu gì khác.

Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm*:**

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147, điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Vân A.

Về hôn nhân: cho chị Lê Thị Vân A được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: giao cho chị Lê Thị Vân A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Khánh N sinh ngày 15/9/2014 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí ly hôn: chị Lê Thị Vân A phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000290 ngày 23/5/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn anh T, đăng ký thường trú tại phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; do đó, Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2].Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: chị Lê Thị Vân A và anh Nguyễn Đức T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/10/2013 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: các đương sự đều trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Ngày 26/01/2024 anh T bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt tù giam về tội Gây rối trật tự công cộng, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà ở huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Vân A đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, mặc dù anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Vân A, nhưng anh T cũng khẳng định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Như vậy, có thể khẳng định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vân A là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị Vân A với anh T và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: chị Vân A và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh N, sinh ngày 15/09/2014 hiện đang do chị Vân A trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn chị Vân A có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Xét thấy, cháu Ngân trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, hiện cháu còn nhỏ cần được mẹ chăm sóc. Anh T đề nghị giải quyết cho cháu được ở với ông bà nội là Nguyễn Đức D, sinh năm 1963 và Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1963 hiện đang ở phố 3, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình để ông bà nuôi dưỡng. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa cha mẹ và con được bảo vệ quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con. Vì vậy, yêu cầu của anh T đề nghị giao con cho ông bà nội nuôi dưỡng không được chấp nhận. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như sự phát triển toàn diện của cháu N, mặt khác chị Vân A cũng đủ điều kiện

chăm sóc, giáo dục con chung, do đó cần giao cháu N cho chị Vân A chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Vân A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, khi cần chị Vân A và anh T có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, công nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị Lê Thị Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Vân A đối với anh Nguyễn Đức T.

- Về hôn nhân: cho chị Lê Thị Vân A ly hôn anh Nguyễn Đức T (Quan hệ hôn nhân giữa chị Vân A và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: giao chị Lê Thị Vân A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Khánh N, sinh ngày 15/09/2014 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vân A trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Vân A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: chị Lê Thị Vân A phải nộp 300.000^{đ} án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000290 ngày 23/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: chị Vân A, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường V, TP.N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình